

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 91/2020/HSST
Ngày 09 tháng 7 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thẩm phán sơ cấp

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2020/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Việt C**, Sinh năm: 1974. Tên gọi khác: Không.

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn VN, xã LB, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Văn Chương, sinh năm: 1943; Con bà: Trần Thị Toàn, sinh năm: 1947; Bị cáo có 05 anh, chị, em, bản thân là thứ ba; Vợ thứ nhất: Phạm Thị Hương, sinh năm: 1977 (đã chết); Vợ thứ hai: Vũ Thị Bình, sinh năm 1973 (đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 2004, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 15/02/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại: Đinh Thị L** – sinh năm: 1964 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà AS, tổ dân phố M, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lê Việt H, sinh năm: 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn VN, xã LB, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

2. Bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm: 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, đường NDN, tổ 2, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Việt C, sinh năm 1974, trú tại Thôn VN, xã LB, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với bà Đinh Thị L, sinh năm 1964, trú tại số nhà AS, tổ dân phố số M, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Trong khoảng thời gian quen biết từ tháng 6/2009 đến ngày 02/02/2010, C có vay của bà L nhiều lần để có tiền sử dụng đưa con trai là cháu Lê Tuấn N, sinh năm 2004 đi chữa bệnh và phục vụ việc kinh doanh. Do tin tưởng nên bà L đồng ý cho C vay tiền các lần như sau:

Tháng 06/2009, bà L cho C vay số tiền 5000 USD tương đương 95.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2009, bà L cho C vay số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2009, bà L cho C vay số tiền 25.000.000 đồng.

Ngày 04/10/2009, bà L cho C vay số tiền 60.000.000 đồng.

Những lần vay trên được bà L và C thống nhất ghi trong giấy vay tiền số I ngày 29/01/2010, tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, C hẹn ngày 30/4/2010 sẽ trả tiền.

Ngày 15/01/2010, bà L tiếp tục cho C vay số tiền 110.000.000 đồng và ngày 02/02/2010, bà L cho C vay số tiền 90.000.000 đồng. Những lần vay tiền này được bà L và C thống nhất ghi trong giấy vay tiền số II đề ngày 29/01/2010, tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, C hẹn ngày 30/7/2010 sẽ trả tiền.

Khi vay tiền, C có đưa cho bà L giữ một số giấy tờ để làm tin gồm giấy phô tô chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty TNHH dịch vụ vận tải và du lịch Anh T do C làm chủ tịch kiêm giám đốc, giấy phô tô chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể do C đứng tên hộ kinh doanh (kinh doanh dịch vụ Internet), giấy phô tô giấy phép lái xe mang tên Lê Việt C. Những giấy vay tiền I và II do bà L và C xác lập có chữ ký bảo lãnh của anh Lê Việt H, sinh năm 1971, trú tại Thôn VN, xã LB, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội - là anh trai của C.

Sau khi vay được số tiền trên, C khai đã sử dụng để đưa con trai đi chữa bệnh, để kinh doanh Internet, kinh doanh trà sữa và chuộc đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 29S-9293. Vì kinh doanh thua lỗ, chi tiêu cá nhân nhiều nên C trốn tránh, không trả tiền cho bà L. Ngày 22/12/2010, bà L làm đơn đề nghị Công an thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang điều tra, xử lý C theo quy định của pháp luật. Bà L đã giao nộp 02 giấy vay tiền ghi ngày 29/01/2010 (ký hiệu giám định A1, A2) cho cơ quan cảnh sát điều tra.

Ngày 13/4/2011, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã trưng cầu giám định chữ viết trên tài liệu thu giữ. Tại kết luận giám định số 237/KL-PC54 ngày 20/04/2011, Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- “Chữ viết ở mục “1-2” trên 02 “*Giấy vay tiền*” số I, số II cùng đứng tên Lê Việt C, cùng đề ngày 29/01/2010 (ký hiệu giám định A1, A2) với chữ viết của Lê Việt C trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký- chữ viết dưới mục “Người vay” trên 02 “*Giấy vay tiền*” số I, số II cùng đứng tên Lê Việt C, cùng đề ngày 29/01/2010 (ký hiệu A1, A2) với chữ ký,

chữ viết của Lê Việt C trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) là do cùng một người ký, viết ra.

Trong quá trình điều tra, Lê Việt C bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Đến ngày 15/02/2020, Lê Việt C đã đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú.

Ngày 20/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký Lê Việt H trên tài liệu đã thu giữ. Tại kết luận giám định số 530/KL-KTHS ngày 29/4/2020, Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Việt H dưới mục “Người thừa kế (ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Lê Việt H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra”.

Bản cáo trạng số 95/CT-VKS ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lê Việt C tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 điều 175 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Việt C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và Áp dụng khoản 3 điều 175, Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/02/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận anh Lê Việt H đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bà L được 20.000.000 đồng, căn cứ điều 48 BLHS; Các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả cho bà Đinh Thị L số tiền đã chiếm đoạt 380.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Sam sung đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Việt C; 01 căn cước công dân tên Lê Việt C. Tạm giữ các điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị về án phí hình sự, dân sự; quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Việt C thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, thừa nhận số tiền đã chiếm đoạt của chị L là 400.000.000 đồng. Bị cáo khai do quen biết với chị L nên đã nhiều lần hỏi chị L cho vay tiền để làm ăn và chữa bệnh cho con, việc đưa tiền có lúc giao tại nhà chị L, có lúc chị gửi, hai bên không viết giấy vay. Ngày 29/01/2010, chị L yêu cầu bị cáo viết giấy vay tiền, ghi lại các khoản tiền bị cáo đã vay chị L nên bị cáo đã viết, chị L có yêu cầu anh trai bị cáo phải ký bảo đảm cho khoản vay trên thì bị cáo đưa giấy cho anh trai ký. Sau này, do không có khả năng chi trả, khi chị L đòi thì bị cáo trốn tránh, bị cáo cắt liên lạc điện thoại với chị L. Sau khi chị L làm đơn đến cơ quan điều tra công an thành phố Bắc Giang tố cáo, bị cáo đã được triệu tập lên làm việc, sau đó bị cáo bỏ trốn vì không có tiền trả nợ, bị cáo bỏ ra Hà Nội thuê nhà làm ăn, nhưng không liên lạc với bất cứ ai trong gia đình, không khai báo tạm trú, tạm vắng với chính quyền địa

phương, công an, đến đầu năm 2020 bị cáo biết mình bị truy nã, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình sai nên ra đầu thú. Bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hiện nay bị cáo bị bệnh tiểu đường, con còn nhỏ.

Anh Lê Việt H trình bày: Anh không biết việc C vay tiền chị L như thế nào, nhưng năm 2010 C đem giấy vay tiền về nói việc C vay tiền chị L để làm ăn nên nhờ anh ký để bảo lãnh cho khoản vay của C thì anh ký. Sau này chị L có cùng người thân đến đòi tiền của C, C đã bỏ trốn đi đâu gia đình không rõ. Khi chị L tố cáo C đến công an thành phố Bắc Giang, anh có đi cùng C và vẫn khuyên C chấp hành pháp luật và lo trả tiền cho chị L nhưng sau đó C bỏ đi, từ năm 2012 đến khi C ra đầu thú, C không liên lạc, không về gia đình. Anh xác định không ký bảo lãnh cho khoản vay của C. Ngày 6/7/2020, anh đã gặp chị L và thay C trả cho chị L được 20.000.000 đồng, đây là tiền của anh cho C, anh không yêu cầu C hoàn trả. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ TNHS cho bị cáo, để C có cơ hội sửa chữa và vì hiện nay C bị bệnh tiểu đường phải dùng thuốc thường xuyên.

Chị L, bà Đ vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX đã công bố lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Các hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo Lê Việt C trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại chị Đinh Thị L, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định số 237/KL-PC54 ngày 20/4/2011 và kết luận số 530/KL-KTHS ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Việt C và chị Đinh Thị L quen biết nhau, do tin tưởng nên chị L đã cho C vay nhiều lần tiền với tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng và đã viết giấy vay tiền, hẹn ngày thanh toán. Khi chị L đòi tiền C đã trốn tránh, không trả chị L số tiền vay. Sau khi chị L gửi đơn tố cáo C đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang, C đã bỏ trốn, cắt đứt mọi liên lạc với gia đình, người thân, mặc dù nơi C sống và làm việc ngay tại Hà Nội, nhưng C không về, không ai trong gia đình biết C ở đâu, C cũng không khai báo tạm trú tại nơi thuê trọ, C khai đi làm ăn để lo trả tiền cho chị L nhưng từ năm 2012 đến nay C không có động thái nào thể hiện trách nhiệm của mình, như vậy cho thấy việc C bỏ trốn, che giấu nơi ở, nơi làm việc, mục đích để trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của chị L. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, xâm phạm quyền sử hữu tài sản của công dân với số tiền

400.000.000 đồng, hành vi của Lê Việt C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Theo điểm b khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, thì từ ngày 01/01/2018 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành, các quy định có lợi hơn cho người phạm tội được áp dụng với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử”. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị khởi tố từ ngày 7/9/2012, nhưng do bị cáo bỏ trốn, đến nay mới bị xét xử, theo quy định tại khoản 3 điều 175 BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung, tội này được quy định có lợi hơn cho người phạm tội so với quy định tại điều 140 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung, do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo theo khoản 3 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung là hoàn toàn đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tiền án, không có tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được áp dụng điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo trốn truy nã, nhưng sau đã ra đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, có bố, mẹ được thưởng huy chương kháng chiến, ngoài ra bị cáo đã tác động anh trai Lê Việt H tự nguyện bồi thường cho người bị hại được số tiền 20.000.000 đồng, nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS.

Từ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, Tòa án xem xét một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội, cải tạo bị cáo thành công dân sống có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS, hiện nay bị cáo còn bị bệnh tiểu đường, hoàn cảnh khó khăn, con bị bệnh, nên HĐXX xem xét cho bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt, theo mức hình phạt đề xuất của kiểm sát viên là phù hợp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Việt H đã thay bị cáo bồi thường, trả cho chị Đinh Thị L số tiền 20.000.000 đồng, nên HĐXX căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584; điều 585; điều 586; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường, trả cho chị Đinh Thị L số tiền còn lại là 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu) đồng.

Đối với anh Lê Việt H, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, có căn cứ xác định anh H không vay tiền của chị L, không phải là người đứng ra bảo lãnh cho C và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo C, do đó cơ quan điều tra, viện kiểm sát không đề cập xử lý hành vi của anh H là đúng. Tại phiên tòa, anh H xác định đã bỏ ra số tiền 20.000.000 đồng thay C bồi thường cho chị L, nhưng không yêu cầu C hoàn trả, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Bích Đ, tại giấy vay tiền ngày 29/01/2010 (đánh số II) có ghi người cho vay là bà Nguyễn Thị Bích Đ và bà Đinh Thị L. Tuy nhiên, bà Đ, chị L và bị cáo đều xác định, bị cáo không vay tiền của bà Đ, mà chị L là người

vay tiền của bà Đ, bà Đ không yêu cầu gì, do đó, HĐXX xác định bà Đ không phải là người bị hại trong vụ án, không buộc trách nhiệm của bị cáo với bà Đ.

[5]. Về vật chứng: Căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Sam sung đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Việt C; 01 căn cước công dân tên Lê Việt C, không liên quan đến hàng vi phạm tội. Tạm giữ các điện thoại để đảm bảo thi hành án.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm

[7]. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Lê Việt C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Căn cứ khoản 3 điều 175, Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Các điều 584; điều 585; điều 586; 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, điều 21; điểm a khoản 1 điều 23, điều 25, 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Điều 106; Điều 135, điều 136, điều 333, điều 336, điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/02/2020.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả cho chị Đinh Thị L số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng)

[4]. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo các tài sản gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Sam sung đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Việt C; 01 căn cước công dân tên Lê Việt C.

Tạm giữ các điện thoại của bị cáo C để đảm bảo thi hành án.

[5]. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và chịu 19.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- VKSND - TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo: Người TGT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng